

Biểu số: 01/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC
06 tháng/năm 2025

Đơn vị, người báo cáo: Cục Thi hành án dân sự tỉnh
Lạng Sơn

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục THADS
Đơn vị tính: Bàn án, quyết định, việc và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số bản án, quyết định đã nhận	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:										Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
				Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:				Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác			
										Tổng số thi hành xong	Thi hành xong	Đình chỉ THA	Đang thi hành					Hoãn THA theo điểm c khoản 1 D48		
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Tổng số	1.224	4.196	1.805	2.391	67	-	4.129	3.018	1.733	1.680	53	1.279	6	1.070	27	12	2	2.396	57.42%
I	Tổng số việc chủ động	942	2.860	934	1.926	33	-	2.827	2.205	1.573	1.558	15	632		608	8	5	1	1.254	71.34%
1	Kinh doanh, thương mại	43	130	69	61	6	-	124	81	37	37	-	44		37	3	3	-	87	45.68%
2	Phá sản	-	7	7	-	-	-	7	7	-	-	-	7		-	-	-	-	7	0.00%
3	Hôn nhân và gia đình	326	603	27	576	-	-	603	592	523	520	3	69		11	-	-	-	80	88.34%
4	Lao động	1	2	-	2	-	-	2	2	1	1	-	1		-	-	-	-	1	50.00%
5	Dân sự	137	448	189	259	2	-	446	320	186	185	1	134		119	5	2	-	260	58.13%
6	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	9	49	33	16	-	-	49	25	14	14	-	11		24	-	-	-	35	56.00%
7	Dân sự trong hình sự	426	1.621	609	1.012	25	-	1.596	1.178	812	801	11	366		417	-	-	1	784	68.93%
II	Tổng số việc theo yêu cầu	282	1.336	871	465	34	-	1.302	813	160	122	38	647	6	462	19	7	1	1.142	19.68%
1	Kinh doanh, thương mại	34	177	131	46	3	-	174	93	7	3	4	85	1	72	5	3	1	167	7.53%
2	Phá sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
3	Hôn nhân và gia đình	123	316	135	181	14	-	302	206	48	41	7	157	1	96	-	-	-	254	23.30%
4	Lao động	-	1	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	1	#DIV/0!
5	Dân sự	71	561	417	144	7	-	554	373	54	36	18	319	-	163	14	4	-	500	14.48%
6	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
7	Dân sự trong hình sự	54	281	187	94	10	-	271	141	51	42	9	86	4	130	-	-	-	220	36.17%
B	Ủy thác xử lý tài sản																			
1	Đơn vị ủy thác đi					3														
2	Đơn vị nhận ủy thác				1															

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ma Thị Phương

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Tài



PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU VIỆC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Chỉ tiêu		Chủ động	Theo yêu cầu
		1	2
1	Số đình THA	15	38
1.1	Điểm a khoản 1 Điều 50	2	1
1.2	Điểm b khoản 1 Điều 50	-	-
1.3	Điểm c khoản 1 Điều 50		35
1.4	Điểm d khoản 1 Điều 50	1	2
1.5	Điểm đ khoản 1 Điều 50	-	-
1.6	Điểm e khoản 1 Điều 50	12	
1.7	Điểm g khoản 1 Điều 50	-	-
1.8	Điểm h khoản 1 Điều 50	-	-
2	Số hoãn THA	8	25
2.1	Điểm a khoản 1 Điều 48	-	1
2.2	Điểm b khoản 1 Điều 48	-	-
2.3	Điểm c khoản 1 Điều 48		17
2.4	Điểm d khoản 1 Điều 48	2	5
2.5	Điểm đ khoản 1 Điều 48	6	2
2.6	Điểm e khoản 1 Điều 48	-	-
2.7	Điểm g khoản 1 Điều 48	-	-
2.8	Điểm h khoản 1 Điều 48		-
2.9	Khoản 2 Điều 48	-	-
2.9.1	Hoãn theo yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân	-	-
2.9.2	Hoãn theo yêu cầu của Tòa án nhân dân	-	-
3	Số tạm đình chỉ THA	5	7
3.1	Khoản 1 Điều 49	5	7
3.1.1	Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị tạm đình chỉ	2	2
3.1.2	Tòa án nhân dân kháng nghị tạm đình chỉ	3	5
3.2	Khoản 2 Điều 49	-	-
4	Số chưa có điều kiện THA theo Điều 44a	608	462
4.1	Điểm a khoản 1 Điều 44a	542	424
4.2	Điểm b khoản 1 Điều 44a	-	1
4.3	Điểm c khoản 1 Điều 44a	66	37
4.4	Trường hợp chưa có điều kiện khác	-	-
5	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	49	-
5.1	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế do BCĐTU [*] về phòng, chống tham nhũng theo dõi, chỉ đạo	-	-
5.2	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế do BCD [*] tỉnh, thành phố theo dõi, chỉ đạo	-	-
5.3	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế khác	49	-
6	Trường hợp khác	1	1
6.1	Tạm dừng để giải quyết khiếu nại, tố cáo	-	-
6.2	Trong thời hạn tự nguyện THA	-	-
6.3	Trở ngại khách quan	1	1
7	Số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng	599	436

*Ghi chú: Mục (7) Số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng có số theo dõi và danh sách cụ thể được quản lý tại các cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan quản lý thi hành án dân sự.

* Các ô gạch chéo không thực hiện thống kê

Biểu số: 02/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH BẮNG TIỀN
06 tháng/năm 2025

Đơn vị, người báo cáo: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục THADS

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ và %

ST T	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:										Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện	
			Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:				Đang thi hành	Hoàn THA theo điểm c khoản 1 Đ48	Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoàn THA (trừ số hoàn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chí THA			Trường hợp khác
									Chia ra:											
									Tổng số thi hành xong	Thi hành xong	Đình chỉ THA	Giảm nghĩa vụ THA								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Tổng số	2.098.846.153	1.803.525.382	295.320.771	29.452.584	90.920	2.069.302.649	858.437.790	149.781.398	114.373.918	35.355.954	51.526	705.580.194	3.076.198	1.104.324.175	40.363.858	65.221.663	955.163	1.919.521.251	17.45%
I	Tổng số việc chủ động	203.141.530	109.097.898	94.043.632	13.861.145	-	189.280.385	126.743.001	69.341.586	69.055.078	234.982	51.526	57.401.415		60.686.817	305.916	1.406.639	138.012	119.938.799	54.71%
1	Kinh doanh, thương mại	6.075.297	3.713.562	2.361.735	254.864	-	5.820.433	3.881.803	1.622.562	1.622.562	-	-	2.259.241		1.547.781	191.073	199.776	-	4.197.871	41.80%
2	Pha sản	269.173	269.173	-	-	-	269.173	269.173	-	-	-	-	269.173		-	-	-	-	269.173	0.00%
3	Hôn nhân và gia đình	1.029.064	436.204	592.860	400	-	1.028.664	875.071	524.686	519.199	2.162	3.325	350.385		153.593	-	-	-	503.978	59.96%
4	Lao động	69.734	-	69.734	-	-	69.734	69.734	7.200	7.200	-	-	62.534		-	-	-	-	62.534	10.32%
5	Dẫn sự	9.929.066	3.970.080	5.958.986	116.369	-	9.812.757	7.059.428	3.729.014	3.609.654	119.360	-	3.330.414		1.438.623	114.843	1.199.863	-	6.083.743	52.82%
6	Dẫn sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	39.508.850	15.097.560	24.411.290	-	-	39.508.850	27.301.958	24.162.349	24.132.589	-	29.760	3.139.609		12.206.892	-	-	-	15.346.501	88.50%
7	Dẫn sự trong hình sự	146.260.346	85.611.319	60.649.027	13.489.572	-	132.770.774	87.285.834	39.295.775	39.163.874	113.460	18.441	47.990.059		45.339.928	-	7.000	138.012	93.474.999	45.02%
II	Tổng số việc theo yêu cầu	1.895.704.623	1.694.427.484	201.277.139	15.591.439	90.920	1.880.022.264	731.694.789	80.439.812	45.318.840	35.120.972	-	648.178.779	3.076.198	1.043.637.358	40.057.942	63.815.024	817.151	1.799.582.452	10.99%
1	Kinh doanh, thương mại	1.539.722.952	1.428.265.467	111.457.485	12.356.934	58.500	1.527.307.518	555.324.246	42.883.548	32.627.071	10.256.477	-	509.552.651	2.888.047	903.390.399	7.047.142	60.728.580	817.151	1.484.423.970	7.72%
2	Pha sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
3	Hôn nhân và gia đình	13.636.443	8.232.746	5.403.697	312.403	-	13.324.040	7.624.715	2.836.002	2.664.000	172.002	-	4.788.712	1	5.699.325	-	-	-	10.488.038	37.19%
4	Lao động	31.710	31.710	-	-	-	31.710	-	-	-	-	-	-	-	31.710	-	-	-	31.710	#DIV/0!
5	Dẫn sự	251.073.243	173.198.750	77.874.493	1.435.864	-	249.637.379	131.921.189	26.977.033	4.257.096	22.719.937	-	104.944.156	-	82.013.946	32.615.800	3.086.444	-	222.660.346	20.45%
6	Dẫn sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
7	Dẫn sự trong hình sự	91.240.275	84.698.811	6.541.464	1.486.238	32.420	89.721.617	36.824.639	7.743.229	5.770.673	1.972.556	-	28.893.260	188.150	52.501.978	395.000	-	-	81.978.388	21.03%
B	Ủy thác xử lý tài sản																			
1	Đơn vị ủy thác đi				1.631.416															
2	Đơn vị nhận ủy thác			1.631.413																

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ma Thị Phương

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Tài



PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIỀN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

		Chủ động	Theo yêu cầu
		1	2
1	Số đình chỉ THA	234.982	35.120.972
1.1	Điểm a khoản 1 Điều 50	68.362	-
1.2	Điểm b khoản 1 Điều 50	-	12.000
1.3	Điểm c khoản 1 Điều 50		35.108.972
1.4	Điểm d khoản 1 Điều 50	-	-
1.5	Điểm đ khoản 1 Điều 50	114.077	-
1.6	Điểm e khoản 1 Điều 50	52.543	
1.7	Điểm g khoản 1 Điều 50	-	-
1.8	Điểm h khoản 1 Điều 50	-	-
2	Số hoãn THA	305.916	43.134.140
2.1	Điểm a khoản 1 Điều 48	-	7.169
2.2	Điểm b khoản 1 Điều 48	-	-
2.3	Điểm c khoản 1 Điều 48		10.131.975
2.4	Điểm d khoản 1 Điều 48	151.591	30.681.157
2.5	Điểm đ khoản 1 Điều 48	154.325	2.313.839
2.6	Điểm e khoản 1 Điều 48	-	-
2.7	Điểm g khoản 1 Điều 48	-	-
2.8	Điểm h khoản 1 Điều 48		-
2.9	Khoản 2 Điều 48	-	-
2.9.1	Hoãn theo yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân	-	-
2.9.2	Hoãn theo yêu cầu của Tòa án nhân dân	-	-
3	Số tạm đình chỉ THA	1.406.639	63.815.024
3.1	Khoản 1 Điều 49	1.399.639	63.815.024
3.1.1	Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị tạm đình chỉ	61.650	30.602.344
3.1.2	Tòa án nhân dân kháng nghị tạm đình chỉ	1.337.989	33.212.680
4.2	Khoản 2 Điều 49	7.000	-
4	Số chưa có điều kiện THA theo Điều 44a	60.686.817	1.043.637.358
4.1	Điểm a khoản 1 Điều 44a	57.265.628	1.015.233.868
4.2	Điểm b khoản 1 Điều 44a	-	-
4.3	Điểm c khoản 1 Điều 44a	3.421.189	28.403.490
4.4	Trường hợp chưa có điều kiện khác	-	-
5	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	39.508.850	-
5.1	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế do BCĐTU [*] về phòng, chống tham nhũng theo dõi, chỉ đạo	-	-
5.2	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế do BCĐ tỉnh, thành phố theo dõi, chỉ đạo	-	-
5.3	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế khác	39.508.850	-
6	Trường hợp khác	138.012	817.151
6.1	Tạm dừng để giải quyết khiếu nại, tố cáo	-	-
6.2	Trong thời hạn tự nguyện THA	-	-
6.3	Trở ngại khách quan	138.012	817.151
7	Số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng	41.106.829	319.735.397

*Ghi chú: Mục (7) Số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng có số theo dõi và danh sách cụ thể được quản lý tại các cơ quan Thi hành án dân sự, cơ quan quản lý thi hành án dân sự.

* Các ô gạch chéo không thực hiện thống kê

Biểu số: 03/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH CÁC KHOẢN THU CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
06 tháng/năm 2025

Đơn vị, người báo cáo: Cục Thi hành án dân sự
tỉnh Lạng Sơn

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục THADS

Đơn vị tính: Việc và %, 1.000 VND

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, sửa, hủy quyết định	Tổng số phải thi hành	Chia ra:										Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện	
			Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:				Đang thi hành	Hoãn THA theo điểm c khoản 1 Điều 48	Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA			Trường hợp khác
									Tổng số thi hành xong	Thi hành xong	Đình chỉ THA	Giảm nghĩa vụ THA								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	Tổng số việc	2.499	1.054	1.445	24	-	2.475	1.784	1.147	1.131	16		637		669	17	5	-	1.328	0.64
II	Tổng số tiền	191.444.173	116.326.462	75.117.711	13.663.958	-	177.780.215	#####	49.937.282	49.637.327	245.332	54.623	57.787.266		68.181.463	305.916	1.568.288	-	127.842.933	0.46
1	Án phí, lệ phí	12.687.012	9.358.979	3.328.033	420.670	-	12.266.342	6.469.551	1.743.031	1.607.802	131.904	3.325	4.726.520		5.073.712	305.916	417.163	-	10.523.311	0.27
2	Phạt	24.672.581	13.043.481	11.629.100	200.200	-	24.472.381	13.829.697	10.633.901	10.520.577	91.786	21.538	3.195.796		10.642.684	-	-	-	13.838.480	0.77
3	Tịch thu, Truy thu	143.519.620	90.893.053	52.626.567	13.042.971	-	130.476.649	78.259.932	32.027.423	31.976.021	21.642	29.760	46.232.509		52.216.717	-	-	-	98.449.226	0.41
4	Thu khác	10.564.960	3.030.949	7.534.011	117	-	10.564.843	9.165.368	5.532.927	5.532.927	-	-	3.632.441		248.350	-	1.151.125	-	5.031.916	0.60

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ma Thị Phương

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Tài

Biểu số: 04/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC CHIA THEO
CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIÊN
06 tháng/năm 2025

Đơn vị, người báo cáo: Cục Thi hành án dân sự
tỉnh Lạng Sơn

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục THADS

Đơn vị tính: Việc và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:										Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
			Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:				Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác			
									Tổng số thi hành xong	Thi hành xong	Đình chỉ THA	Đang thi hành					Hoãn THA theo điểm c khoản 1 điều 48		
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng số	4.196	1.805	2.391	67	-	4.129	3.018	1.733	1.680	53	1.279	6	1.070	27	12	2	2.396	57.42%
I	Cục THADS	246	79	167	14	-	232	188	112	112	-	76	-	44	-	-	-	120	59.57%
1	Nguyễn Hữu Tài	-	0	0	0	0	-	-	-	0	0	0	0	0	0	0	0	-	#DIV/0!
2	Lê Văn Cường	1	1	0	0	0	1	1	-	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0.00%
3	Trần Văn Thảo	51	17	34	2	0	49	39	25	25	0	14	0	10	0	0	0	24	64.10%
4	Lê Minh Thành	19	8	11	0	0	19	16	7	7	0	9	0	3	0	0	0	12	43.75%
5	Triệu Hoàng Phái	60	15	45	3	0	57	50	27	27	0	23	0	7	0	0	0	30	54.00%
6	Lương Thị Hậu	47	21	26	1	0	46	30	17	17	0	13	0	16	0	0	0	29	56.67%
7	Nguyễn Thị Mai Hương	54	16	38	4	0	50	42	26	26	0	16	0	8	0	0	0	24	61.90%
8	Hoàng Dải Trang	14	1	13	4	0	10	10	10	10	0	0	0	0	0	0	0	-	100.00%
II	Các Chi cục THADS	3.950	1.726	2.224	53	-	3.897	2.830	1.621	1.568	53	1.203	6	1.026	27	12	2	2.276	57.28%
1	Chi cục THA TP.Lạng Sơn	1.150	603	547	16	-	1.134	668	342	314	28	325	1	449	11	6	-	792	51.20%
1	Đỗ Xuân Hà	130	75	55	0	0	130	66	52	51	1	14	0	64	0	0	0	78	78.79%
1.2	Hoàng Văn Hanh	309	171	138	7	0	302	164	100	92	8	64	0	135	3	0	0	202	60.98%
1.3	Nông Xuân Tiến	215	95	120	5	0	210	139	54	50	4	84	1	65	0	6	0	156	38.85%
1.4	Đỗ Quang Bình	212	121	91	3	0	209	126	45	40	5	81	0	83	0	0	0	164	35.71%
1.5	Vy Thị Thảo	247	141	106	1	0	246	136	79	69	10	57	0	102	8	0	0	167	58.09%
1.5	Hoàng Thành Minh	37	0	37	0	0	37	37	12	12	0	25	0	0	0	0	0	25	32.43%

2	Chi cục THA Cao Lặc	397	155	242	7	-	390	282	181	179	2	101	-	104	-	4	-	209	64.18%
2.4	Hoàng Thị Kim Chi	129	23	106	3	0	126	107	80	79	1	27	0	19	0	0	0	46	74.77%
2.5	Đỗ Xuân Hải	192	102	90	1	0	191	122	64	64	0	58	0	67	0	2	0	127	52.46%
2.6	Phunght Xuân Bắc	76	30	46	3	0	73	53	37	36	1	16	0	18	0	2	0	36	69.81%
3	Chi cục THA H.Lộc Bình	253	114	139	-	-	253	189	87	83	4	102	-	64	-	-	-	166	46.03%
3.1	CHV Trịnh Thị Ngọc Bích	111	41	70	0	0	111	88	52	50	2	36	0	23	0	0	0	59	59.09%
3.2	CHV Hoàng Văn Tân	129	73	56	0	0	129	88	31	29	2	57	0	41	0	0	0	98	35.23%
3.3	CHV Lê Văn Thịnh	13	0	13	0	0	13	13	4	4	0	9	0	0	0	0	0	9	30.77%
4	Chi cục THA Đình Lập	171	47	124	4	-	167	150	93	93	-	57	-	17	-	-	-	74	62.00%
4.4	CHV Lành Thị Lập	74	18	56	2	0	72	68	42	42	0	26	0	4	0	0	0	30	61.76%
4.5	CHV Hoàng Văn Thanh	97	29	68	2	0	95	82	51	51	0	31	0	13	0	0	0	44	62.20%
5	Chi cục THA Văn Quan	221	68	153	6	-	215	180	126	122	4	51	3	35	-	-	-	89	70.00%
5.1	Triệu Thị Huyền Linh	135	40	95	2	0	133	117	89	87	2	28	0	16	0	0	0	44	76.07%
5.2	Nông Ngọc Thục	86	28	58	4	0	82	63	37	35	2	23	3	19	0	0	0	45	58.73%
6	Chi cục THA Bình Gia	171	42	129	2	-	169	148	119	116	3	29	-	20	1	-	-	50	80.41%
6.1	Hoàng Văn Từ	69	18	51	1	0	68	63	56	53	3	7	0	5	0	0	0	12	88.89%
6.2	Quản Minh Hồng	10	0	10	0	0	10	10	5	5	0	5	0	0	0	0	0	5	50.00%
6.3	Lương T Phương Thảo	47	8	39	1	0	46	41	33	33	0	8	0	5	0	0	0	13	80.49%
6.4	Hứa Văn Trí	45	16	29	0	0	45	34	25	25	0	9	0	10	1	0	0	20	73.53%
7	Chi cục THA Bắc Sơn	291	127	164	1	-	290	236	135	135	-	100	1	54	-	-	-	155	57.20%
7.4	Nguyễn Minh Lâm	108	35	73	0	0	108	97	54	54	0	43	0	11	0	0	0	54	55.67%
7.5	Phạm Dương Đức	183	92	91	1	0	182	139	81	81	0	57	1	43	0	0	0	101	58.27%
8	Chi cục THA Chi Lăng	240	117	123	1	-	239	168	91	89	2	77	-	70	1	-	-	148	54.17%
8.4	CHV Lương Quý Đôn	96	50	46	1	0	95	69	33	33	0	36	0	26	0	0	0	62	47.83%
8.5	CHV Mạc Đức Tuấn	144	67	77	0	0	144	99	58	56	2	41	0	44	1	0	0	86	58.59%
9	Chi cục THA Hữu Lũng	594	272	322	2	-	592	451	230	225	5	221	-	125	14	2	-	362	51.00%
9.1	Lê Thị Huyền	11	0	11	0	0	11	11	4	4	0	7	0	0	0	0	0	7	36.36%
9.2	Trịnh Ngọc Long	177	84	93	1	0	176	137	63	58	5	74	0	35	2	2	0	113	45.99%
9.3	Phạm Minh Thu	195	106	89	0	0	195	130	69	69	0	61	0	53	12	0	0	126	53.08%
9.4	Đào Quang Thành	211	82	129	1	0	210	173	94	94	0	79	0	37	0	0	0	116	54.34%

8	Chi cục THA Văn lãg	219	92	127	9	-	210	172	89	86	3	83	-	38	-	-	-	121	51.74%
8.4	Bê Thù Lộc Hương	219	92	127	9	0	210	172	89	86	3	83	0	38	0	0	0	121	51.74%
9	Chi cục THA Trảng Định	243	89	154	5	-	238	186	128	126	2	57	1	50	-	-	2	110	68.82%
9.1	Phạm Thanh Sơn	92	27	65	4	0	88	72	50	49	1	22	0	16	0	0	0	38	69.44%
9.2	Mai Thị Dung	151	62	89	1	0	150	114	78	77	1	35	1	34	0	0	2	72	68.42%

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

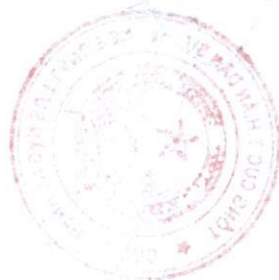
Ma Thị Phương

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Tài



Biểu số: 05/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN CHIA THEO
CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIÊN
06 tháng/năm 2025

Đơn vị, người báo cáo: Cục Thi hành
án dân sự tỉnh Lạng Sơn

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục
THADS
Đơn vị tính: 1.000 VND và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:											Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
			Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:				Đang thi hành	Hoàn THA theo điểm c khoản 1 Điều 48	Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoàn THA (trừ số hoàn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác		
									Tổng số thi hành xong	Thi hành xong	Đình chỉ THA	Giảm nghĩa vụ THA								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tổng số	2.098.846.153	1.803.525.382	295.320.771	29.452.584	90.920	2.069.302.649	858.437.790	149.781.398	114.373.918	35.355.954	51.526	705.580.194	3.076.198	1.104.324.175	40.363.858	65.221.663	955.163	1.919.521.251	17.45%
I	Cục THADS	167.944.568	134.329.158	33.615.410	11.181.183	32.420	156.730.965	64.776.876	33.902.197	33.898.597	-	3.600	30.874.679	-	91.954.089	-	-	-	122.828.768	52.34%
1	Nguyễn Hữu Tài	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
2	Lê Văn Cường	373.247	373.247	-	-	-	373.247	373.247	-	-	-	-	373.247	-	-	-	-	-	373.247	0.00%
3	Trần Văn Thảo	24.122.711	18.581.777	5.540.934	20.733	32.420	24.069.558	9.178.921	5.368.244	5.368.244	-	-	3.810.677	-	14.890.637	-	-	-	18.701.314	58.48%
4	Lê Minh Thành	68.688.867	68.349.151	339.716	9.664.753	-	59.024.114	1.576.366	634.488	634.488	-	-	941.878	-	57.447.748	-	-	-	58.389.626	40.25%
5	Triệu Hoàng Phái	33.479.658	27.420.718	6.058.940	282.270	-	33.197.388	25.916.557	4.251.025	4.251.025	-	-	21.665.532	-	7.280.831	-	-	-	28.946.363	16.40%
6	Lương Thị Hậu	6.409.074	2.850.339	3.558.735	314.000	-	6.095.074	2.700.609	2.036.657	2.033.057	-	3.600	663.952	-	3.394.465	-	-	-	4.058.417	75.41%
7	Nguyễn Thị Mai Hương	34.229.189	16.723.926	17.505.263	366.630	-	33.862.559	24.922.151	21.502.758	21.502.758	-	-	3.419.393	-	8.940.408	-	-	-	12.359.801	86.28%
8	Hoàng Đài Trang	641.822	30.000	611.822	532.797	-	109.025	109.025	109.025	109.025	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100.00%
II	Các Chi cục THADS	1.930.901.585	1.669.196.224	261.705.361	18.271.401	58.500	1.912.571.684	793.660.914	115.879.201	80.475.321	35.355.954	47.926	674.705.515	3.076.198	1.012.370.086	40.363.858	65.221.663	955.163	1.796.692.483	14.60%
1	Chi cục THA TP.Lạng Sơn	677.206.745	492.900.345	184.306.400	6.342.853	-	670.863.892	379.433.924	67.845.739	46.085.323	21.726.031	34.385	310.233.225	1.354.960	254.283.354	32.853.307	4.293.307	-	603.018.153	17.88%
1	Đỗ Xuân Hà	118.598.332	93519724	25078608	0	0	118.598.332	46.855.551	24.585.154	24577222	3032	4900	22270397	0	71742781	0	0	0	94.013.178	52.47%
1.2	Hoàng Văn Hanh	73.926.788	51015899	22910889	6125375	0	67.801.413	31.773.301	4.949.938	4350310	573468	26160	26823363	0	35455618	572494	0	0	62.851.475	15.58%
1.3	Nông Xuân Tiến	168.979.313	132043446	36935867	97022	0	168.882.291	80.196.019	4.866.189	1196717	3669472	0	73974870	1354960	84392965	0	4293307	0	164.016.102	6.07%
1.4	Đỗ Quang Bình	139.903.922	128288242	11615680	56530	0	139.847.392	91.325.973	11.708.222	5122327	6582570	3325	79617751	0	48521419	0	0	0	128.139.170	12.82%
1.5	Vy Thị Thảo	160.897.585	88033034	72864551	63926	0	160.833.659	114.382.275	21.585.044	10687555	10897489	0	92797231	0	14170571	32280813	0	0	139.248.615	18.87%
1.5	Hoàng Thành Minh	14.900.805	0	14900805	0	0	14.900.805	14.900.805	151.192	151192	0	0	14749613	0	0	0	0	0	14.749.613	1.01%
2	Chi cục THA Cao Lộc	731.840.776	712.976.197	18.864.579	6.492.652	-	725.348.124	30.870.922	6.338.519	6.218.003	117.419	3.097	24.532.403	-	663.813.208	-	30.663.994	-	719.009.605	20.53%
2.1	Hoàng Thị Kim Chi	6.637.708	3864529	2773179	11900	0	6.625.808	5.165.205	3.524.987	3458226	66761	0	1640218	0	1460603	0	0	0	3.100.821	68.24%
2.2	Đỗ Xuân Hải	679.979.852	670836676	9143176	8762	0	679.971.090	20.411.274	2.422.870	2373870	49000	0	17988404	0	628957472	0	30602344	0	677.548.220	11.87%
2.3	Phungf Xuân Bắc	45.223.216	38274992	6948224	6471990	0	38.751.226	5.294.443	390.662	385907	1658	3097	4903781	0	33395133	0	61650	0	38.360.564	7.38%
3	Chi cục THA H.Lộc Bình	49.993.935	44.670.746	5.323.189	-	-	49.993.935	30.167.904	3.183.366	1.269.037	1.914.329	-	26.984.538	-	19.826.031	-	-	-	46.810.569	10.55%
3.1	CHV Trình Thị Ngọc Bích	40.983.468	38957170	2026298	0	0	40.983.468	25.895.349	2.544.525	692446	1852079	0	23350824	0	15088119	0	0	0	38.438.943	9.83%
3.2	CHV Hoàng Văn Tân	7.678.214	5713576	1964638	0	0	7.678.214	2.940.302	624.681	562431	62250	0	2315621	0	4737912	0	0	0	7.053.533	21.25%
3.3	CHV Lê Văn Thịnh	1.332.253	0	1332253	0	0	1.332.253	1.332.253	14.160	14160	0	0	1318093	0	0	0	0	0	1.318.093	1.06%

4	Chi cục THA Đình Lập	7.175.783	3.685.816	3.489.967	32.774	-	7.143.009	6.294.553	2.852.222	2.852.222	-	-	3.442.331	-	848.456	-	-	-	4.290.787	45.31%
4.1	CHV Lãnh Thị Lập	1.806.859	1510758	296101	2490	0	1.804.369	1.416.021	348.381	348381	0	0	1067640	0	388348	0	0	0	1.455.988	24.60%
4.2	CHV Hoàng Văn Thanh	5.368.924	2175058	3193866	30284	0	5.338.640	4.878.532	2.503.841	2503841	0	0	2374691	0	460108	0	0	0	2.834.799	51.32%
5	Chi cục THA Văn Quan	10.528.209	4.013.505	6.514.704	192.503	-	10.335.706	7.873.839	1.401.375	870.109	520.822	10.444	6.284.314	188.150	2.461.867	-	-	-	8.934.331	17.80%
5.1	Triệu Thị Huyền Linh	3.524.529	2.810.036	714.493	23.400	0	3.501.129	2.107.491	1.019.878	538.656	481.222	0	1.087.613	0	1.393.638	0	0	0	2.481.251	48.39%
5.2	Nông Ngọc Thục	7.003.680	1.203.469	5.800.211	169.103	0	6.834.577	5.766.348	381.497	331.453	39.600	10.444	5.196.701	188.150	1.068.229	0	0	0	6.453.080	6.62%
6	Chi cục THA Bình Gia	208.688.183	204.582.720	4.105.463	301.925	-	208.386.258	204.492.722	2.056.788	1.536.965	519.823	-	200.902.847	1.533.087	3.893.536	-	-	-	206.329.470	1.01%
6.1	Hoàng Văn Từ	2.774.579	1.045.843	1.728.736	289.925	0	2.484.654	2.276.070	1.421.990	1.311.167	110.823	0	854.080	0	208.584	0	0	0	1.062.664	62.48%
6.2	Quân Minh Hồng	73.001	0	73.001	0	0	73.001	73.001	70.250	70.250	0	0	2.751	0	0	0	0	0	2.751	96.23%
6.3	Lương T Phương Thảo	344.478	210.999	133.479	12.000	0	332.478	252.678	84.158	84.158	0	0	168.520	0	79.800	0	0	0	248.320	33.31%
6.4	Hứa Văn Tri	205.496.125	203.325.878	2.170.247	0	0	205.496.125	201.890.973	480.390	71.390	409.000	0	199.877.496	1.533.087	3.605.152	0	0	0	205.015.735	0.24%
7	Chi cục THA Bắc Sơn	20.474.017	16.678.861	3.795.156	3.900	-	20.470.117	13.952.428	2.267.338	1.725.018	542.320	-	11.685.089	1	6.517.689	-	-	-	18.202.779	16.25%
7.4	Nguyễn Minh Lâm	3.156.998	2142378	1014620	0	0	3.156.998	2.386.467	328.098	328098	0	0	2058369	0	770531	0	0	0	2.828.900	13.75%
7.5	Phạm Dương Đức	17.317.019	14536483	2780536	3900	0	17.313.119	11.565.961	1.939.240	1396920	542320	0	9626720	1	5747158	0	0	0	15.373.879	16.77%
8	Chi cục THA Chi Lăng	53.707.944	52.601.919	1.106.025	415	58.500	53.649.029	37.669.500	4.439.829	2.352.011	2.087.818	-	33.229.671	-	15.655.196	324.333	-	-	49.209.200	11.79%
8.1	CHV Lương Quý Đôn	3.113.399	2790412	322987	415	0	3.112.984	2.199.956	217.494	217494	0	0	1982462	0	913028	0	0	0	2.895.490	9.89%
8.2	CHV Mạc Đức Tuấn	50.594.545	49811507	783038	0	58500	50.536.045	35.469.544	4.222.335	2134517	2087818	0	31247209	0	14742168	324333	0	0	46.313.710	11.90%
9	Chi cục THA Hữu Lũng	136.477.027	113.546.059	22.930.968	56.675	-	136.420.352	68.413.119	20.414.448	13.146.128	7.268.320	-	47.998.671	-	30.556.653	7.186.218	30.264.362	-	116.005.904	29.84%
9.1	Lê Thị Huyền	931.100	0	931100	0	0	931.100	931.100	1.800	1800	0	0	929300	0	0	0	0	0	929.300	0.19%
9.2	Trình Ngọc Long	49.819.261	46659768	3159493	49600	0	49.769.661	13.583.231	7.746.375	478055	7268320	0	5836856	0	5870818	51250	30264362	0	42.023.286	57.03%
9.3	Phạm Minh Thu	46.727.577	39146903	7580674	0	0	46.727.577	35.488.228	11.901.674	11901674	0	0	23586554	0	4104381	7134968	0	0	34.825.903	33.54%
9.3	Đào Quang Thành	38.999.089	27739388	11259701	7075	0	38.992.014	18.410.560	764.599	764599	0	0	17645961	0	20581454	0	0	0	38.227.415	4.15%
8	Chi cục THA Văn lằng	14.723.220	10.032.561	4.690.659	1.791.304	-	12.931.916	8.614.417	1.766.790	1.512.414	254.376	-	6.847.627	-	4.317.499	-	-	-	11.165.126	20.51%
8.1	Bê Thị Lộc Hương	14.723.220	10032561	4690659	1791304	0	12.931.916	8.614.417	1.766.790	1512414	254376	0	6847627	0	4317499	0	0	0	11.165.126	20.51%
9	Chi cục THA Tràng Định	20.085.746	13.507.495	6.578.251	3.056.400	-	17.029.346	5.877.586	3.312.787	2.908.091	404.696	-	2.564.799	-	10.196.597	-	-	955.163	13.716.559	56.36%
9.1	Phạm Thanh Sơn	7.049.727	1.986.697	5.063.030	3.056.399	0	3.993.328	2.685.219	1.224.266	1.216.204	8.062	0	1.460.953	0	1.308.109	0	0	0	2.769.062	45.59%
9.2	Mai Thị Dung	13.036.019	11.520.798	1.515.221	1	0	13.036.018	3.192.367	2.088.521	1.691.887	396.634	0	1.103.846	0	8.888.488	0	0	955.163	10.947.497	65.42%

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU



Ma Thị Phương



Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025

CHỨC TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Tài

Biểu số: 06/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ ĐỀ NGHỊ XÉT MIỄN VÀ GIẢM NGHĨA VỤ
THỊ HẠNH AN DÂN SỰ
06 tháng/năm 2025

Đơn vị, người báo cáo: Cục Thi hành án dân sự
tỉnh Lạng Sơn

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục THADS

Đơn vị tính: Việc và 1.000 đồng

STT	Tên chỉ tiêu	Số đề nghị xét miễn		Số đã xét miễn		Số đề nghị giảm		Số đã xét giảm	
		Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền
A		1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số	13	50.463	13	50.463	6	51.526	6	51.526
I	Cục THADS	-	-	-	-	1	3.600	1	3.600
II	Các Chi cục THADS	13	50.463	13	50.463	5	47.926	5	47.926
1	Lạng Sơn	11	48.813	11	48.813	3	34.385	3	34.385
2	Cao Lộc	2	1.650	2	1.650	1	3.097	1	3.097
3	Lộc Bình	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Đình Lập	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Văn Quan	-	-	-	-	1	10.444	1	10.444
6	Bình Gia	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Chi Lăng	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Hữu Lũng	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Vân Lăng	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Tràng Định	-	-	-	-	-	-	-	-

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU



Ma Thị Phương

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025

CHỖ TRƯỞNG


Nguyễn Hữu Tài

Biểu số: 07/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM,
CƯỜNG CHẾ TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
06 tháng/năm 2025

Đơn vị, người báo cáo: Cục Thi hành án dân sự
tỉnh Lạng Sơn

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục THADS

Đơn vị tính: Việc

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số việc thi hành án đã ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm	Tổng số việc thi hành án có ra quyết định cưỡng chế	Chia ra:		Kết quả thi hành việc đã áp dụng biện pháp cưỡng chế	Chia ra:	
				Cưỡng chế không huy động lực lượng	Cưỡng chế có huy động lực lượng		Đã thi hành xong	Chưa thi hành xong
A		1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số	41	116	100	16	116	88	28
I	Cục THADS	-	11	11	-	11	11	-
II	Các Chi cục THADS	41	105	89	16	105	77	28
1	Lạng Sơn	-	34	19	15	34	29	5
2	Cao Lộc	7	24	24	-	24	24	-
3	Lộc Bình	-	5	5	-	5	1	4
4	Đình Lập	8	8	8	-	8	8	-
5	Văn Quan	-	-	-	-	-	-	-
6	Bình Gia	1	1	1	-	1	-	1
7	Bắc Sơn	1	6	6	-	6	3	3
8	Chi Lăng	1	4	3	1	4	4	-
9	Hữu Lũng	17	17	17	-	17	2	15
10	Văn Lãng	1	1	1	-	1	1	-
11	Tràng Định	5	5	5	-	5	5	-

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025
NGƯỜI LẬP BIỂU


Ma Thị Phương



Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025
CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Tài

6	Văn Quan																			
	Khiếu nại	1	-	-	-	1	-	1	-	-	-	-	-	-	1	-	1	-	-	-
	Tổ cáo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kiến nghị, phản ánh	-	-	-	-	-	-													
7	Bình Gia																			
	Khiếu nại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổ cáo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kiến nghị, phản ánh	-	-	-	-	-	-													
8	Bắc Sơn																			
	Khiếu nại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổ cáo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kiến nghị, phản ánh	-	-	-	-	-	-													
9	Chi Lăng																			
	Khiếu nại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổ cáo	2	1	-	-	1	-	-	1	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	1
	Kiến nghị, phản ánh	1	-	-	1	-	-													
10	Hữu Lũng																			
	Khiếu nại	3	2	-	-	1	-	1	-	-	-	-	-	1	-	-	1	-	-	-
	Tổ cáo	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kiến nghị, phản ánh	2	1	-	1	-	-													
11	Văn Lãng																			
	Khiếu nại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổ cáo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kiến nghị, phản ánh	-	-	-	-	-	-													
12	Tràng Định																			
	Khiếu nại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổ cáo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kiến nghị, phản ánh	-	-	-	-	-	-													

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ma Thị Phương

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Tài

Ngày nhận báo cáo:

[illegible]

Biểu số: 09/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
06 tháng/năm 2025

Đơn vị, người báo cáo: Cục Thi hành án dân
sự tỉnh Lạng Sơn

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục THADS

Đơn vị tính: Đơn, Đoàn, Người và Lượt

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng			Đoàn đông người			Lãnh đạo cơ quan tiếp			Số đơn tiếp nhận							Kết quả giải quyết số đơn thuộc thẩm quyền		
											Chia theo nội dung				Chia theo thẩm quyền					
		Số lượt	Số người	Số vụ việc	Số đoàn	Số người	Số vụ việc	Số lượt	Số người	Số vụ việc	Tổng số	Chia ra:			Tổng số	Chia ra:				
												Khiếu nại	Tổ cáo	Kiến nghị, phản ánh		Thuộc thẩm quyền của cơ quan THA	Thuộc thẩm quyền của cơ quan khác	Tổng số	Số đã giải quyết	Số chưa giải quyết chuyển kỳ sau
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tổng số	15	17	15	-	-	-	11	12	10	15	1	1	13	15	11	4	11	11	-
I	Cục THADS	4	4	4	-	-	-	-	-	-	4	-	-	4	4	-	4	-	-	-
II	Các Chi cục THADS	11	13	11	-	-	-	11	12	10	11	1	1	9	11	11	-	11	11	-
1	Lạng Sơn	6	6	6	-	-	-	6	6	6	6	-	-	6	6	6	-	6	6	-
2	Cao Lộc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Lộc Bình	2	2	2	-	-	-	2	2	2	2	-	-	2	2	2	-	2	2	-
4	Đình Lập	1	1	1	-	-	-	1	1	1	1	1	-	-	1	1	-	1	1	-
5	Văn Quan	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Bình Gia	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Chi Lăng	1	1	1	-	-	-	1	-	-	1	-	1	-	1	1	-	1	1	-
9	Hữu Lũng	1	3	1	-	-	-	1	3	1	1	-	-	1	1	1	-	1	1	-
10	Văn Lãng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Tràng Định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU



Ma Thị Phương



Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Tài

Biểu số: 10/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ GIÁM SÁT, KIỂM SÁT, KIỂM TRA THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
06 tháng/năm 2025

Đơn vị, người báo cáo: Cục Thi hành án dân sự
tỉnh Lạng Sơn

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục THADS

Số TT	Tên chỉ tiêu	Kết quả thực hiện báo cáo Giám sát của cơ quan có thẩm quyền (cuộc)								Kết quả thực hiện kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân (cuộc)						Kết quả thực hiện kiến nghị của Viện Kiểm sát nhân dân (bản kiến nghị)						Kết quả kiểm tra (cuộc)			
		Tổng số cuộc giám sát	Chia ra:				Kết quả thực hiện kết luận giám sát			Tổng số kháng nghị đã nhận	Chia ra:					Tổng số kiến nghị đã nhận	Chia ra:								
			Cơ quan giám sát								Kháng nghị của cuộc kiểm sát trực tiếp			Kháng nghị khác			Kiến nghị của cuộc kiểm sát trực tiếp			Kiến nghị khác					
			Quốc hội	Hội đồng nhân dân	Mặt trận Tổ quốc	Khác	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình		Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình	Đã thực hiện	Chưa thực hiện		Giải trình	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình	Tự kiểm tra và kiểm tra nội bộ	Kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới			
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	Tổng số	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14	9	-	-	5	-	-	-	-
I	Cục THADS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-
II	Các Chi cục THADS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13	8	-	-	5	-	-	-	-
1	Lạng Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-
2	Cao Lộc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-
3	Lộc Bình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	1	-	-	1	-	-	-	-
4	Đình Lập	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	1	-	-	1	-	-	-	-
5	Vân Quan	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	1	-	-	1	-	-	-	-
6	Bình Gia	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-
8	Chi Lăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Hữu Lũng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	2	-	-	-	-
10	Vân Lăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Tràng Định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	2	-	-	-	-	-	-	-

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025
NGƯỜI LẬP BIỂU


Ma Thị Phương

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025
CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Tài

Biểu số: 11/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
06 tháng/năm 2025

Đơn vị, người báo cáo: Cục Thi hành án dân
sự tỉnh Lạng Sơn

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục THADS

Đơn vị tính: Việc

STT	Tên chỉ tiêu	Tình hình thụ lý			Tình hình giải quyết yêu cầu bồi thường										Kết quả thi hành bản án, QĐ GQBT						Kết quả thực hiện trách nhiệm hoàn trả	
		Tổng số	Chia ra:		Tại Cơ quan THADS			Tại Tòa án					Thi hành xong		Chưa thi hành xong			Đã thực hiện xong trách nhiệm hoàn trả	Chưa thực hiện xong trách nhiệm hoàn trả			
			Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới	Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:				Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:					
						Đã ban hành quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực	Chưa ban hành quyết định giải quyết bồi thường		Người yêu cầu bồi thường khởi kiện theo khoản 2 Điều 52 Luật TNBTCNN	Khởi kiện theo khoản 1 Điều 52 Luật TNBTCNN	Khởi kiện theo khoản 2 Điều 52 Luật TNBTCNN	Trong đó:		Đã được cấp kinh phí và chi trả xong	Các trường hợp khác		Chưa ban hành bản án hoặc quyết định giải quyết bồi thường			Đã có bản án hoặc quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực nhưng chưa được cấp kinh phí		
												Chấp nhận yêu cầu khởi kiện									Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện	
																						Chưa có bản án
14	15	16	17	18	19	20	21															
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	Tổng số việc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	Cục THADS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Các Chi cục THADS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Lạng Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Cao Lộc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Lộc Bình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Đình Lập	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Vân Quan	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Bình Gia	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Chi Lăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Hữu Lũng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Vân Lăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Tràng Định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ, tên)



Ma Thị Phương

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025
CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ, tên)
Nguyễn Hữu Tài

Biểu số: 12/TK-THAHC
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THEO DÕI THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH
06 tháng/năm 2025

Đơn vị, người báo cáo: Cục Thi hành
án dân sự tỉnh Lạng Sơn

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục THADS

Đơn vị tính: Việc

STT	Tên chỉ tiêu	Số bản án, quyết định về vụ án hành chính cơ quan THADS đã nhận chuyển giao từ Tòa án	Tổng số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính phải theo dõi	Chia ra:						Kết quả theo dõi thi hành bản án, quyết định THAHC, trong đó:								Số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã thi hành xong
				Số bản án, quyết định tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện						Số bản án, quyết định khác của Tòa án về vụ án hành chính	Số việc đã ban hành văn bản thông báo tự nguyện THA	Số việc cơ quan THADS đã làm việc với người phải THA	Tổng số quyết định buộc THAHC đã đăng tải công khai	Số vụ việc cơ quan THADS có văn bản kiến nghị xử lý trách nhiệm người không chấp hành án				
				Đã có quyết định buộc THA			Chưa có quyết định buộc THA							Tổng số	Chia ra:			
				Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:							Đã nhận được kết quả xử lý trách nhiệm	Chưa nhận được kết quả xử lý trách nhiệm		
					Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới								Số trường hợp bị xử lý	
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Tổng số	13	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13
I	Cục THADS	13	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13
II	Các Chi cục THADS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Lạng Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Cao Lộc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Lộc Bình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đình Lập	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Vân Quan	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Bình Gia	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Chi Lăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Hữu Lũng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Vân Lăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Tràng Định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ, tên)



Ma Thị Phương

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025


CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ, tên)
Nguyễn Hữu Tài



PHỤ LỤC THEO DÔI SỐ VIỆC CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN ĐÃ CHUYỂN SỐ THEO DÔI RIÊNG

06 tháng/năm 2025

Đơn vị tính: việc

TT	Tiêu chí	Tổng số việc chưa đồng	Chia ra							Tổng số việc theo yêu cầu	Chia ra						
			Kinh doanh, thương mại	Phá sản	Hôn nhân và gia đình	Lao động	Dân sự	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	Dân sự trong hình sự		Kinh doanh, thương mại	Phá sản	Hôn nhân và gia đình	Lao động	Dân sự	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	Dân sự trong hình sự
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng số	599	22	-	13	-	66	7	491	436	26	-	120	-	85	-	205
I	Cục THADS	24	-	-	-	-	-	4	20	13	2	-	-	-	-	-	11
II	Các Chi cục THADS	575	22	-	13	-	66	3	471	423	24	-	120	-	85	-	194
1	Lang Sơn	195	14	-	5	-	25	1	150	123	11	-	24	-	30	-	58
2	Cao Lộc	83	2	-	1	-	4	-	76	50	2	-	16	-	7	-	25
3	Lộc Bình	43	-	-	1	-	7	-	35	67	1	-	14	-	16	-	36
4	Đình Lập	5	-	-	-	-	-	-	5	3	-	-	3	-	-	-	-
5	Văn Quan	8	-	-	-	-	-	-	8	7	-	-	4	-	-	-	3
6	Bình Gia	2	-	-	-	-	-	-	2	9	2	-	2	-	-	-	5
7	Bắc Sơn	13	-	-	-	-	-	-	13	10	2	-	3	-	-	-	5
8	Chi Lăng	34	2	-	1	-	4	1	26	31	1	-	8	-	4	-	18
9	Hữu Lũng	127	4	-	5	-	23	1	94	63	5	-	14	-	23	-	21
10	Văn Lăng	32	-	-	-	-	-	-	32	25	-	-	11	-	3	-	11
11	Tràng Định	33	-	-	-	-	3	-	30	35	-	-	21	-	2	-	12



PHỤ LỤC THEO DÕI SỐ TIỀN CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN ĐÃ CHUYỂN SỔ THEO DÕI RIÊNG

06 tháng/năm 2025

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Tiêu chí	Tổng số tiền chủ động	Chia ra							Tổng số tiền theo yêu cầu	Chia ra						
			Kinh doanh, thương mại	Phá sản	Hôn nhân và gia đình	Lao động	Dân sự	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	Dân sự trong hình sự		Kinh doanh, thương mại	Phá sản	Hôn nhân và gia đình	Lao động	Dân sự	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	Dân sự trong hình sự
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng số	41.106.829	482.086	-	138.948	-	744.620	3.094.947	36.646.228	319.735.397	16.595.542	-	2.808.387	-	23.404.726	-	276.926.742
I	Cục THADS	5.143.600	-	-	-	-	-	1.988.807	3.154.793	42.737.326	1.517.826	-	-	-	-	-	41.219.500
II	Các Chi cục THADS	35.963.229	482.086	-	138.948	-	744.620	1.106.140	33.491.435	276.998.071	15.077.716	-	2.808.387	-	23.404.726	-	235.707.242
1	Lạng Sơn	9.930.258	310.942	-	54.552	-	384.696	104.640	9.075.428	240.967.036	5.693.427	-	771.151	-	12.699.115	-	221.803.343
2	Cao Lộc	4.882.742	19.975	-	3.695	-	93.204	-	4.765.868	9.945.601	4.629.983	-	707.730	-	771.766	-	3.836.122
3	Lộc Bình	13.625.489	-	-	33.193	-	19.082	-	13.573.214	9.881.341	133.480	-	191.800	-	3.636.157	-	5.919.904
4	Đình Lập	46.493	-	-	-	-	-	-	46.493	55.500	-	-	55.500	-	-	-	-
5	Văn Quan	110.093	-	-	-	-	-	-	110.093	87.361	-	-	71.000	-	-	-	16.361
6	Bình Gia	262.550	-	-	-	-	-	-	262.550	3.117.354	1.575.469	-	18.200	-	-	-	1.523.685
7	Bắc Sơn	305.200	-	-	-	-	-	-	305.200	1.554.196	1.397.895	-	30.001	-	-	-	126.300
8	Chi Lăng	499.092	29.933	-	2.475	-	25.693	259.424	181.567	1.091.888	37.867	-	171.400	-	165.802	-	716.819
9	Hữu Lũng	2.162.323	121.236	-	45.033	-	183.705	742.076	1.070.273	6.337.681	1.609.595	-	494.700	-	3.644.018	-	589.368
10	Văn Lăng	2.706.731	-	-	-	-	-	-	2.706.731	1.506.089	-	-	121.100	-	759.532	-	625.457
11	Tràng Định	1.432.258	-	-	-	-	38.240	-	1.394.018	2.454.024	-	-	175.805	-	1.728.336	-	549.883

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH LẠNG SƠN

THU HỒI, HỦY QUYẾT ĐỊNH THI HÀNH ÁN 6 THÁNG NĂM 2025

Đơn vị tính: Việc và 1.000 đồng

STT	TỈNH	Tổng số		Nguyên nhân															
		Việc	Tiền	Ra quyết định thi hành án không đúng quy định (không đúng phạm vi, nghĩa vụ thi hành án); cơ quan THADS nơi ủy thác thu hồi QĐ ủy thác dẫn tới cơ quan nơi nhận ủy thác phải thu hồi quyết định THA		Một bản án nhưng ra 2 quyết định THA cho cùng một khoản nghĩa vụ phải thi hành		Tòa án chấp nhận kháng cáo quá hạn; giải thích, đình chính bản án, quyết định		Thu hồi QĐ THA để thực hiện chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 54 Luật THADS sửa đổi bổ sung năm 2014		Người yêu cầu thi hành án không được ủy quyền hợp lệ theo quy định		Tòa án đồng dấu án sơ thẩm đã có hiệu lực trong khi đương sự đang kháng cáo		Cùng một vụ án, cùng người được, người phải thi hành án, cùng một nội dung nhưng Tòa án chuyển 2 lần với 2 số bản án khác nhau		Lý do khác: Chi cục THADS huyện Chi Lăng nhận Quyết định ủy thác số 26/QĐ-CCTHADS ngày 01/04/2024 của Chi cục THADS Thành phố Lạng Sơn vụ Công ty TNHH xây dựng Thành Linh với tổng số tiền phải thi hành án là 14.481.079.108đ. Do có sự nhầm lẫn ở tổng tiền phải thi hành nên Tòa án và Chi cục nơi ủy thác đã sửa đổi số tiền thành 14.422.579.108đ.	
				Việc	Tiền	Việc	Tiền	Việc	Tiền	Việc	Tiền	Việc	Tiền	Việc	Tiền	Việc	Tiền	Việc	Tiền
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Toàn tỉnh	-	90.920	-	-	-	-	-	-	-	32.420	-	-	-	-	-	-	-	58.500
1.1	Cục THADS tỉnh	-	32.420	-	-	-	-	-	-	-	32.420	-	-	-	-	-	-	-	
1.2	Chi Lăng		58.500																58.500

Người Lập

Ma Thị Phương



Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025

CHỨC TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Tài

PHỤ LỤC
THỐNG KÊ PHÂN TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN ĐANG CHẤP HÀNH
ÁN PHẠT TÙ TẠI TRẠI GIAM, TRẠI TẠM GIAM 06 THÁNG NĂM 2025
(Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 24/03/2025)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Đơn vị	Tổng thụ lý						Đã thi hành được		Thi hành dở dang, chưa thi hành						Ghi chú
		Tổng số việc (1)=(2)+(3)	Năm trước chuyển sang (2)	Mới thụ lý (3)	Tổng số tiền (4)=(5)+(6) tiền	Năm trước chuyển sang (5)	Mới thụ lý (6)	Việc (7)	Tiền (8)	Tổng số việc (9)=(10)+(11)	Có điều kiện (10)	Chưa có điều kiện	Tổng số tiền (12)=(13)+(14)	Có điều kiện (13)	Chưa có điều kiện (14)	
1	Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn	157	66	91	120.114.036	104.683.411	15.430.625	64	16.608.675	93	40	53	103.505.361	23.636.880	79.868.481	
2	Chi cục THADS TPLS	193	112	81	218.486.397	217.582.097	904.300	67	1.235.197	126	14	112	217.251.200	69.103	217.182.097	
3	Chi cục THADS huyện Cao Lộc	192	107	85	6.839.128	6.110.793	728.335	75	518.300	117	12	105	6.320.828	234.835	6.085.993	
4	Chi cục THADS huyện Lộc Bình	52	34	18	19.081.950	19.055.794	26.156	10	56.553	42	10	32	19.025.397	452.967	18.572.430	
5	Chi cục THADS huyện Đình Lập	44	7	37	917.360	458.894	458.466	28	444.878	16	11	5	472.482	425.876	46.606	
6	Chi cục THADS huyện Văn Quan	37	14	23	879.735	794.376	85.359	21	81.752	16	5	11	797.983	53.703	744.280	
7	Chi cục THADS huyện Bình Gia	15	10	5	5.025.527	5.021.737	3.790	4	5.590	11	2	9	5.019.937	28.200	4.991.737	
8	Chi cục THADS huyện Bắc Sơn	76	37	39	3.052.400	2.610.811	441.589	31	74.310	45	28	17	2.978.090	1.330.708	1.647.382	
9	Chi cục THADS huyện Chi Lăng	63	35	28	2.148.394	1.892.393	256.001	25	144.598	38	8	30	2.003.796	430.426	1.573.370	

10	Chi cục THADS huyện Hữu Lũng	146	120	26	15.521.010	15.463.880	57.130	17	46.974	129	47	82	15.474.036	13.810.258	1.663.778	
11	Chi cục THADS huyện Tràng Định	175	72	103	6.551.193	1.932.138	4.619.055	94	4.549.822	81	23	58	2.001.371	300.449	1.700.922	
12	Chi cục THADS huyện Văn Lãng	74	39	35	6.015.283	5.757.032	258.251	29	384.495	45	26	19	5.630.788	415.810	5.214.978	
TỔNG SỐ		1.224	653	571	404.632.413	381.363.356	23.269.057	465	24.151.144	759	226	533	380.481.269	41.189.215	339.292.054	

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ma Thị Phương

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2025

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ và tên)



Nguyễn Hữu Tài